

# Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



Building a better  
working world

# Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 29

# Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1 trực thuộc Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 1188/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000046 vào ngày 12 tháng 11 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau:

#### GCNĐKKD điều chỉnh số:

3903000046 – Điều chỉnh lần thứ nhất  
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ hai  
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ ba  
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tư  
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ năm  
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ sáu  
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ bảy  
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tám  
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ chín

#### Ngày:

ngày 19 tháng 5 năm 2006  
ngày 17 tháng 5 năm 2007  
ngày 28 tháng 7 năm 2007  
ngày 10 tháng 1 năm 2008  
ngày 18 tháng 3 năm 2008  
ngày 14 tháng 1 năm 2009  
ngày 25 tháng 9 năm 2009  
ngày 1 tháng 9 năm 2010  
ngày 7 tháng 6 năm 2011

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2009 theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 1 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; xây dựng nhà các loại; xây dựng các công trình thủy lợi; xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; đầu tư, xây dựng các công trình vừa và nhỏ; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình đường bộ; mua bán và chế biến hàng nông sản (trừ mủ cao su); trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm cao su; kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện; mua bán bất động sản; và kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Công ty có trụ sở chính tại số 114, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thanh Lạc	Chủ tịch	
Ông Huỳnh Đoan	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên	
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Tâm Hòa	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2014
Bà Trần Thị Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2014

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Mạnh Thức	Trưởng ban
Ông Bùi Tấn Khải	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Đai	Thành viên

# Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **GIÁM ĐỐC**

Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Huỳnh Đoàn.

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Thanh Lạc.

Ông Huỳnh Đoàn, Giám đốc, được Ông Phan Thanh Lạc, người đại diện theo pháp luật của Công ty, ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 05/2011/QĐ-HĐQT ngày 14 tháng 6 năm 2011.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám Đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Giám Đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính ; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Giám Đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Giám Đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của tôi, Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Huyền Đoàn  
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2015



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bifexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61121146/17146928

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") được lập ngày 19 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Giám đốc***

Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Building a better  
working world

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 27 tháng 3 năm 2014.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Lê Quang Minh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 0426-2013-004-1



Nguyễn Thanh Sang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>61.680.756.502</b>	<b>47.719.569.177</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>362.166.690</b>	<b>803.188.782</b>
111	1. Tiền		162.166.690	443.188.782
112	2. Các khoản tương đương tiền		200.000.000	360.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>17.358.493.666</b>	<b>11.000.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		18.080.000.000	11.000.000.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(721.506.334)	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>43.793.579.433</b>	<b>35.640.544.156</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	318.762.685	194.624.125
132	2. Trả trước cho người bán		-	22.000.000
135	3. Các khoản phải thu khác	7	43.474.816.748	35.423.920.031
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>156.526.358</b>	<b>183.543.192</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	156.526.358	183.543.192
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>9.990.355</b>	<b>92.293.047</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	6.690.906
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		9.990.355	53.102.141
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	32.500.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>197.342.429.553</b>	<b>208.238.895.271</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>1.813.190.447</b>	<b>1.766.538.129</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.771.940.447	1.721.538.129
222	Nguyên giá		5.385.479.811	5.115.206.980
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.593.539.364)	(3.393.668.851)
227	2. Tài sản vô hình	10	41.250.000	-
228	Nguyên giá		45.000.000	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.750.000)	-
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	45.000.000
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>195.390.852.813</b>	<b>206.352.715.210</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác	11	195.390.852.813	206.352.715.210
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>138.386.293</b>	<b>119.641.932</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		138.386.293	119.641.932
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>259.023.186.055</b>	<b>255.958.464.448</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>33.931.204.912</b>	<b>23.202.916.803</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>33.931.204.912</b>	<b>23.202.916.803</b>
312	1. Phải trả người bán		4.500.000	22.241.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	65.789.730	12.861.588
315	3. Phải trả người lao động		-	88.349.360
316	4. Chi phí phải trả		-	25.032.380
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	33.485.983.611	22.422.591.810
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		374.931.571	631.840.665
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>14.1</b>	<b>225.091.981.143</b>	<b>232.755.547.645</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>225.091.981.143</b>	<b>232.755.547.645</b>
411	1. Vốn cổ phần		246.569.880.000	246.569.880.000
414	2. Cổ phiếu quỹ		(26.791.024.482)	(26.791.024.482)
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.283.743.345	5.137.235.865
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.382.280	7.839.456.262
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>259.023.186.055</b>	<b>255.958.464.448</b>

Nguyễn Tiến Hải  
Người lập

Nguyễn Tiến Hải  
Kế toán trưởng



Huỳnh Đoàn  
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	15.1	3.186.867.075	2.753.043.171
11	2. Giá vốn hàng bán	17	1.712.138.683	1.542.020.171
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		1.474.728.392	1.211.023.000
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	33.249.543.398	36.933.458.446
22	5. Chi phí tài chính	16	721.506.334	7.676.570.854
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	1.289.075.794	1.028.411.523
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		32.713.689.662	29.439.499.069
31	8. Thu nhập khác		2.584.228	869.040
32	9. Chi phí khác		334	5.000
40	10. Lợi nhuận khác		2.583.894	864.040
50	11. Tổng lợi nhuận trước thuế		32.716.273.556	29.440.363.109
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.1	107.422.804	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		32.608.850.752	29.440.363.109
70	14. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ/ cổ phiếu)	20	1.463	1.321

Nguyễn Tiến Hải  
Người lập

Nguyễn Tiến Hải  
Kế toán trưởng



Huỳnh Đoàn  
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Tiền thu từ bán hàng		1.158.843.245	3.128.962.686
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(458.675.572)	(2.119.452.967)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(1.239.063.469)	(321.583.424)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	18.1	(65.544.006)	(45.292.166)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		144.692.000	1.891.917.102
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(469.313.580)	(632.216.787)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(929.061.382)</b>	<b>1.902.334.444</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	9	(250.272.831)	(273.258.000)
23	Tiền chi cho vay		(12.600.000.000)	(11.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		11.120.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(5.600.000.000)	-
27	Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.894.265.593	5.883.131.942
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>10.563.992.762</b>	<b>(5.390.126.058)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức đã trả		(10.075.953.472)	(2.429.338.890)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(10.075.953.472)</b>	<b>(2.429.338.890)</b>
50	<b>Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(441.022.092)</b>	<b>(5.917.130.504)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		803.188.782	6.720.319.286
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<b>362.166.690</b>	803.188.782



Nguyễn Tiến Hải  
Người lập



Nguyễn Tiến Hải  
Kế toán trưởng





Huỳnh Đoàn  
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1 trực thuộc Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 1188/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000046 vào ngày 12 tháng 11 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau:

GCNĐKKD điều chỉnh số:

Ngày:

3903000046 – Điều chỉnh lần thứ nhất	ngày 19 tháng 5 năm 2006
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ hai	ngày 17 tháng 5 năm 2007
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ ba	ngày 28 tháng 7 năm 2007
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tư	ngày 10 tháng 1 năm 2008
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ năm	ngày 18 tháng 3 năm 2008
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ sáu	ngày 14 tháng 1 năm 2009
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ bảy	ngày 25 tháng 9 năm 2009
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tám	ngày 1 tháng 9 năm 2010
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ chín	ngày 7 tháng 6 năm 2011

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2009 theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 1 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; xây dựng nhà các loại; xây dựng các công trình thủy lợi; xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; đầu tư, xây dựng các công trình vừa và nhỏ; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình đường bộ; mua bán và chế biến hàng nông sản (trừ mù cưa cao su); trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm cao su; kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện; mua bán bất động sản; và kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Công ty có trụ sở chính tại số 114, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ của Công ty dựa trên bảng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Tài sản vô hình**

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 24 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.7 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá thực tế mua thực tế.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.11 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm cộng số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá trị hợp lý của các khoản phải thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.14 Thuế***Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, cổ phiếu niêm yết, các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

*Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6.265.973	30.214
Tiền gửi ngân hàng	155.900.717	443.158.568
Các khoản tương đương tiền	<u>200.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>362.166.690</u></b>	<b><u>803.188.782</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn một (1) tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – Chi nhánh Gia Lai và được hưởng tiền lãi với lãi suất là 4,8%/ năm.

**Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu được loại ra khỏi báo cáo lưu chuyển tiền tệ:		
Thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia qua cân trừ công nợ	18.263.280.522	4.307.045.998
Cổ tức chi trả qua cân trừ công nợ	18.975.006.595	4.262.935.200

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu (i)	5.600.000.000	-
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 19)	<u>12.480.000.000</u>	<u>11.000.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.080.000.000</u></b>	<b><u>11.000.000.000</u></b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	<u>(721.506.334)</u>	-
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>17.358.493.666</u></b>	<b><u>11.000.000.000</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN** (tiếp theo)

(i) Chi tiết khoản đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ
Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc – Ayun Hạ (*)	560.000	5.600.000.000	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(721.506.334)		-
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>		<b>4.878.493.666</b>		<b>-</b>

(\*) Đây là khoản đầu tư trong đó Công ty nắm giữ 62% tỷ lệ sở hữu. Tuy nhiên, Công ty trình bày ở khoản đầu tư ngắn hạn do Công ty có dự định chuyển nhượng lại khoản đầu tư này trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 19)	318.762.685	194.624.125

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lãi liên doanh	32.000.677.685	30.311.884.880
Phải thu lãi cho vay	512.276.666	145.638.888
Phải thu hoàn vốn liên doanh	10.961.862.397	4.939.714.649
Khác	-	26.681.614
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>43.474.816.748</b>	<b>35.423.920.031</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 19)</i>	<i>43.474.816.748</i>	<i>35.413.114.417</i>
<i>Các bên thứ ba</i>	<i>-</i>	<i>10.805.614</i>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	156.526.358	183.543.192

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VNĐ				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	3.133.103.240	1.857.684.368	124.419.372	-	5.115.206.980
Mua trong năm	-	206.782.831	-	43.490.000	250.272.831
Số cuối năm	3.133.103.240	2.064.467.199	124.419.372	43.490.000	5.365.479.811
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	1.584.426.368	124.419.372	-	1.708.845.740
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	1.677.232.611	1.592.016.868	124.419.372	-	3.393.668.851
Khấu hao trong năm	146.357.522	50.613.657	-	2.899.334	199.870.513
Số cuối năm	1.823.590.133	1.642.630.525	124.419.372	2.899.334	3.593.539.364
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	1.455.870.629	265.667.500	-	-	1.721.538.129
Số cuối năm	1.309.513.107	421.836.674	-	40.590.666	1.771.940.447



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

	VNĐ
	<i>Phần mềm máy tính</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	45.000.000
Số cuối năm	<u>45.000.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Số đầu năm	-
Hao mòn trong năm	3.750.000
Số cuối năm	<u>3.750.000</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u>41.250.000</u>

**11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn liên doanh với Công ty Cổ phần Điện Gia Lai đầu tư vào các nhà máy thủy điện. Chi tiết như sau:

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 3 và Nhà máy Thủy điện IaMeur 3	10.495.144.515	10.851.758.398
Nhà máy Thủy điện H'Chan	24.366.051.059	26.423.210.409
Nhà máy Thủy điện ĐăkPíHao 2	53.357.158.272	58.636.542.952
Nhà máy Thủy điện IaPuch 3	39.613.266.628	42.881.971.112
Nhà máy Thủy điện H'Mun	67.559.232.339	67.559.232.339
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>195.390.852.813</u></b>	<b><u>206.352.715.210</u></b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế thu nhập cá nhân	25.673.064	-
Thuế giá trị gia tăng	19.329.541	-
Thuế tài nguyên	20.787.125	12.861.588
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>65.789.730</u></b>	<b><u>12.861.588</u></b>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả cổ tức	11.682.883.381	7.814.025.781
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 19</i> )	21.770.346.000	14.580.790.667
Khác	32.754.230	27.775.362
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>33.485.983.611</u></b>	<b><u>22.422.591.810</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VNĐ				
	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước :</b>					
Số đầu năm	246.569.880.000	(26.791.024.482)	5.137.235.865	7.848.895.017	232.764.986.400
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	29.440.363.109	29.440.363.109
Cổ tức công bố	-	-	-	(28.967.880.500)	(28.967.880.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(481.921.364)	(481.921.364)
Số cuối năm	<u>246.569.880.000</u>	<u>(26.791.024.482)</u>	<u>5.137.235.865</u>	<u>7.839.456.262</u>	<u>232.755.547.645</u>
<b>Năm nay :</b>					
Số đầu năm	246.569.880.000	(26.791.024.482)	5.137.235.865	7.839.456.262	232.755.547.645
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	32.608.850.752	32.608.850.752
Cổ tức công bố	-	-	-	(40.109.373.000)	(40.109.373.000)
Trích lập quỹ	-	-	146.507.480	(146.507.480)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(163.044.254)	(163.044.254)
Số cuối năm	<u>246.569.880.000</u>	<u>(26.791.024.482)</u>	<u>5.283.743.345</u>	<u>29.382.280</u>	<u>225.091.981.143</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**14.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức**

	Năm nay	VNĐ Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm và cuối năm	246.569.880.000	246.569.880.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố	40.109.373.000	28.967.880.500
Cổ tức chi trả	29.050.960.067	6.692.274.090
- Chi bằng tiền	10.075.953.472	2.429.338.890
- Cấn trừ công nợ	18.975.006.595	4.262.935.200

**14.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	24.656.988	24.656.988
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.656.988	24.656.988
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.374.003)	(2.374.003)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.282.985	22.282.985

**15. DOANH THU**

**15.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	<u>3.186.867.075</u>	<u>2.753.043.171</u>

**15.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Lãi góp vốn liên doanh	32.155.349.678	36.334.754.321
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	<u>1.094.193.720</u>	<u>598.704.125</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>33.249.543.398</b></u>	<u><b>36.933.458.446</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	721.506.334	-
Chi phí tài chính	-	7.676.570.854
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>721.506.334</b>	<b>7.676.570.854</b>

**17. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	220.774.177	68.751.420
Chi phí nhân công	693.326.797	428.468.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.515.482.683	1.181.330.049
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 9 và 10)	203.620.513	216.724.844
Chi phí khác	368.010.307	675.156.717
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.001.214.477</b>	<b>2.570.431.694</b>

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% thu nhập chịu thuế.

Đối với Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2002). Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi dự án Thủy điện IaĐrăng 1 có thu nhập chịu thuế (năm 2002) và được giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**18.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế):

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>32.716.273.556</b>	<b>29.440.363.109</b>
<b>Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>	<b>(31.843.739.830)</b>	<b>(35.870.222.853)</b>
Lãi góp vốn liên doanh	(32.155.349.678)	(36.269.754.319)
Chi phí không được khấu trừ	311.609.848	399.531.466
<b>Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>872.533.726</b>	<b>(6.429.859.744)</b>
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>107.422.804</b>	-
Thuế TNDN nộp thừa đầu năm	(51.869.153)	(6.576.987)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(65.544.006)	(45.292.166)
<b>Thuế TNDN nộp thừa cuối năm</b>	<b>(9.990.355)</b>	<b>(51.869.153)</b>

**19. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VNĐ
			<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi góp vốn liên doanh	32.155.349.678
		Chia cổ tức	26.122.915.200
		Doanh thu bán điện thương phẩm	3.174.955.955
		Phí bảo trì	1.020.367.418
		Trả hộ	221.594.380
		Lãi cho vay	160.277.779
		Phí quản lí	147.000.000
		Chi phí thuê văn phòng	54.545.456
Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc – Ayun Hạ	Bên liên quan	Lãi cho vay ngắn hạn	900.332.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Phải thu (phải trả)</i>	
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc – Ayun Hạ	Bên liên quan	Cho vay ngắn hạn	10.880.000.000	
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cho vay ngắn hạn	1.600.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>12.480.000.000</u></b>	
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Góp vốn liên doanh	<u>195.390.852.813</u>	
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Doanh thu bán điện thương phẩm	<u>318.762.685</u>	
<b>Các khoản phải thu khác</b>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi liên doanh	32.000.677.685	
		Hoàn vốn liên doanh	10.961.862.397	
Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc – Ayun Hạ	Bên liên quan	Tiền lãi cho vay	512.276.666	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>43.474.816.748</u></b>	
<b>Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức	<u>(21.770.346.000)</u>	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc trong năm:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	<u>721.013.955</u>	<u>369.222.144</u>

**20. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty (VNĐ)	32.608.850.752	29.440.363.109
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	22.282.985	22.282.985
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ/ cổ phiếu)	1.463	1.321

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

**22. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	60.000.000	60.000.000

**23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản cho vay phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có rủi ro lãi suất. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu thường xuyên được theo dõi bởi Công ty. Khách hàng duy nhất của Công ty là Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, công ty mẹ. Do đó, rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty được đánh giá là thấp.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi năm lập các báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày ở Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>VND</i>
	<i>Dưới 1 năm</i>
<b>Số cuối năm</b>	
Phải trả người bán	4.500.000
Các khoản phải trả khác	33.485.223.681
	<b><u>33.489.723.681</u></b>
<b>Số đầu năm</b>	
Phải trả người bán	22.241.000
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	22.441.605.188
	<b><u>22.463.846.188</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây thể hiện giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý		VNĐ
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng			
<b>Tài sản tài chính</b>							
Cổ phiếu niêm yết	5.600.000.000	(721.506.334)	11.000.000.000	-	4.878.493.666	11.000.000.000	
Cho các bên liên quan vay	12.480.000.000	-	-	-	12.480.000.000	-	
Phải thu các bên liên quan	43.793.579.433	-	35.607.738.542	-	43.793.579.433	35.607.738.542	
Các khoản phải thu khác	-	-	10.805.614	-	-	10.805.614	
Tiền và các khoản tương đương tiền	362.166.690	-	803.188.782	-	362.166.690	803.188.782	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>62.235.746.123</b>	<b>(721.506.334)</b>	<b>47.421.732.938</b>	<b>-</b>	<b>61.514.239.789</b>	<b>47.421.732.938</b>	

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý		VNĐ
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng			
<b>Nợ phải trả tài chính</b>							
Phải trả người bán			4.500.000	22.241.000	4.500.000	22.241.000	
Phải trả bên liên quan			21.770.346.000	14.580.790.667	21.770.346.000	14.580.790.667	
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả			11.714.877.681	7.860.814.521	11.714.877.681	7.860.814.521	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>33.489.723.681</b>	<b>22.463.846.188</b>	<b>33.489.723.681</b>	<b>22.463.846.188</b>	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2014, yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Nguyễn Tiên Hải  
Người lập



Nguyễn Tiên Hải  
Kế toán trưởng



Huỳnh Đoàn  
Giám đốc



Ngày 19 tháng 3 năm 2015